| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN QUỲNH PHỤ**<br>**TỈNH THÁI BÌNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: 146/2019/QĐST-HNGĐ | *Quỳnh Phụ, ngày 08 tháng 8 năm 2019* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 124/2019/TLST/HNGĐ, ngày 20 tháng 5 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Anh Vũ Đăng N, sinh năm 1974

Bị đơn: Chị Trần Thị N1, sinh năm 1984

Cùng cư trú: Thôn P, xã H, huyện Q, tỉnh Thái Bình

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ngân hàng N10, do bà Nguyễn Thị Lan A– Giám đốc phòng giao dịch T10, chi nhánh huyện Q, Bắc Thái Bình, đại diện theo ủy quyền;

2. Quỹ tín dụng nhân dân H, huyện Q, tỉnh Thái Bình, do ông Hoàng Lê D5– Giám đốc đại diện theo ủy quyền;

3. Bà Lê Thị H1, sinh năm 1953

4. Anh Vũ Đăng N2, sinh năm 1984

5. Chị Vũ Thị B, sinh năm 1972

6. Bà Vũ Thị T, sinh năm 1958

7. Ông Đặng Văn T1, sinh năm 1967

Cùng cư trú: Thôn P, xã H, huyện Q, tỉnh Thái Bình

8. Cụ Trần Thị K, sinh năm 1933

9. Bà Trần Thị L, sinh năm 1961

10. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1959

Cùng cư trú: Thôn M, xã H, huyện Q, tỉnh Thái Bình

11. Anh Trần Đăng C, sinh năm 1976

12. Anh Trần Quốc T2, sinh năm 1985

Cùng cư trú: Thôn G, xã H, huyện Q, tỉnh Thái Bình

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55; 81; 82; 83 và Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 31 tháng 7 năm 2019

## XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 31 tháng 7 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Vũ Đăng N và chị Trần Thị N1.

**2.** Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

**2.1.** Về nuôi con chung: Anh Vũ Đăng N trực tiếp nuôi dưỡng hai con Vũ Phương N3, sinh ngày 21/8/2009 và Vũ Trưởng T3, sinh ngày 16/10/2013; chị Trần Thị N1 trực tiếp nuôi dưỡng hai con Vũ Phương N4, sinh ngày 13/10/2011 và Vũ Đăng Q5, sinh ngày 28/5/2016.

Về cấp dưỡng cho con: Anh Vũ Đăng N và chị Trần Thị N1 không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Anh Vũ Đăng N và chị Trần Thị N1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung.

**2,2.** Về chia tài sản: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau

***** Về tài sản chung: Anh Vũ Đăng N được quyền sở hữu toàn bộ công trình xây dựng là tài sản chung của vợ chồng (anh chị thống nhất trị giá 700.000.000đ (*bảy trăm triệu đồng*) gồm: 01 nhà ở 02 tầng + công trình phụ, được xây dựng trên diện tích đất 90m$^2$ là tài sản riêng của anh N tại thửa số 563 (lô 13), tờ bản đồ số 3 thuộc Thôn G, xã H, huyện Q, tỉnh Thái Bình; 01 bộ lư hương bằng đồng trị giá 20.000.000đ (*hai mươi triệu đồng*).

Những tài sản là đồ dùng sinh hoạt khác anh chị tự phân chia, không yêu cầu giải quyết.

***** Về nợ:

- Anh Vũ Đăng N có trách nhiệm trả các khoản nợ gồm:

+ Ngân hàng N10 - chi nhánh huyện Q, Bắc Thái Bình (khu vực T10) 500.000.000đ (*năm trăm triệu đồng*) và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 3406-LAV-201800776 ngày 07/02/2018;

+ Quỹ tín dụng H 100.000.000đ (*một trăm triệu đồng*) và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 2019-1-001-00046/HĐTD ngày 21/02/2019;

+ Bà Lê Thị H1 135.000.000đ (*một trăm ba mươi lăm triệu đồng*);

+ Anh Vũ Đăng N2 115.000.000đ (*Một trăm mười lăm triệu đồng*) và lãi phát sinh (lãi suất 0,82%/tháng);

+ Chị Vũ Thị B 60.000.000đ (*sáu mươi triệu đồng*);

+ Bà Vũ Thị T 15.000.000đ (*mười lăm triệu đồng*);

+ Ông Đặng Văn T1 100.000.000đ (*một trăm triệu đồng*) và lãi phát sinh (lãi suất 1%/tháng).

- Chị Trần Thị N1 có trách nhiệm trả các khoản nợ gồm:

+ Cụ Trần Thị K 25.000.000đ (*hai mươi lăm triệu đồng*) và lãi phát sinh (lãi suất 0,8%/tháng);

+ Bà Trần Thị L 3.000.000đ (*ba triệu đồng*);

+ Bà Nguyễn Thị B 310.000.000đ (*ba trăm mười triệu đồng*);

+ Anh Trần Đăng C 30.000.000đ (*ba mươi triệu đồng*);

+ Anh Trần Quốc T2 10.000.000đ (*mười triệu đồng*).

***** Anh Vũ Đăng N có trách nhiệm chia trả chênh lệch về nợ cho chị Trần Thị N1 số tiền 20.000.000đ (*hai mươi triệu đồng*), thời gian trả vào tháng 3/2020.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.*

*Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

- Về án phí: Anh Vũ Đăng N nhận chịu cả 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) anh N đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004041 ngày 20/5/2019 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình được chuyển 150.000đ *(một trăm năm mươi nghìn đồng)* thành tiền án phí ly hôn sơ thẩm và trả lại anh N 150.000đ *(một trăm năm mươi nghìn đồng)*.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục THA DS huyện Quỳnh Phụ;
- UBND xã H, huyện Q;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Hương Liên**